

Bản án số: 13/2019/DS- ST

Ngày: 16/4/2019

V/v: “Tranh chấp HĐ mua bán tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ty
2. Ông Trần Châu Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2019/QĐST-DS, ngày 18/3/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Trần Văn T, sinh năm 1961 và Bùi Thị Đ, sinh năm 1957; Cùng nơi cư trú : ấp Q, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Huỳnh Văn H, sinh năm 1975 và Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; Cùng nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 của ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ cũng như bản tự khai của anh Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 11/2017 đến tháng 12/2017, ông T và bà Đ có giao kết hợp đồng bằng lời nói với anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P về mua bán bánh tráng, bánh phồng. Hai bên thỏa thuận hình thức thanh toán gởi đầu sau khi lấy bánh thì trả tiền lần trước, mỗi lần giao dịch cách nhau khoảng 05 ngày. Trong quá trình thực hiện, anh H, chị P không thực hiện như thỏa thuận. Tính đến ngày 30/12/2017 anh H và chị P còn nợ T và bà Đ số tiền 4.560.000 đồng. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết buộc anh H, chị P liên đới trả cho ông T và bà Đ số tiền nợ gốc là 4.560.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/12/2017 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Bị đơn anh Huỳnh Văn H vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2019 như sau: Từ tháng 11/2017 đến tháng 12/2017, vợ chồng anh có mua bánh tráng, bánh phồng của ông Trần Văn T, bà Bùi Thị Đ. Đến thời điểm hiện nay, vợ chồng còn nợ lại ông T, bà Đ số tiền 4.560.000 đồng. Đối với yêu cầu của ông T, bà Đ, anh đồng ý liên đới cùng chị P trả số tiền 4.560.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/12/2017 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Việc anh và chị P mua bán bánh phồng là để phục vụ kinh tế chung của gia đình.

Chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại Tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án án nên không có lời trình bày

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; thông báo thụ lý vụ án đã gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; thông báo giao nộp chứng cứ đúng quy định; kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai và tiếp cận chứng cứ cũng như xét xử nên đã vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ về việc yêu cầu anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P liên đới trả số tiền mua bánh phồng còn thiếu là 5.147.905 đồng (Trong đó: nợ gốc là 4.560.000 đồng, tiền lãi là 587.905 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2018 của ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Xác định của ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ là nguyên đơn, anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P có nơi cư trú tại xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh H và chị P vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh H và chị P vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; Ngày 28/3/2019 anh Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phong, anh H và chị P là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn P yêu anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ số tiền mua bánh phồng còn thiếu là 5.147.905 đồng (trong đó: tiền gốc là 4.560.000 đồng và tiền lãi là 587.905 đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H thừa nhận vợ chồng anh còn thiếu ông T và bà Đ số tiền nợ gốc là 4.560.000 đồng nên xác định đây là sự việc có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc mua bán này phục vụ kinh tế chung cho gia đình anh H, chị P và anh H đồng ý liên đới cùng chị P trả cho ông T, bà Đ số tiền nợ gốc 4.560.000 đồng nên Tòa ghi nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ theo mức lãi suất 0,83/tháng từ ngày 30/12/2017 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm là 15 tháng 16 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng ông T và bà Đ yêu cầu là 0,83%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 và anh H cũng đồng ý nên Tòa ghi nhận.

Bị đơn yêu cầu được trả dần, mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy yêu cầu này của bị đơn thuộc về giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P pH liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, khoản 3 Điều 440 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ, cụ thể tuyên:

Buộc anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ tổng số tiền mua bánh phồng còn thiếu là 5.147.905 đồng. Trong đó: tiền gốc là 4.560.000 đồng và tiền lãi là 587.905 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Huỳnh Văn H và chị Nguyễn Thị P liên đới chịu là 300.000 đồng

Hoàn trả cho ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021905 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu HS, VP, THA (9b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Ty

Trần Châu Phương

